Cư Trần Lạc Đạo Phú thể hiện tư tưởng Phật học của vua Trần Nhân Tông

ISSN: 2734-9195 16:28 29/12/2023

Cư Trần Lạc Đạo phú còn cho thấy sự thâu tóm tất cả giáo lý Tiểu thừa - Đại thừa cũng như trong các pháp môn tu tập..

> **Qua bài Cư Trần Lạc Đạo phú này, còn cho thấy sự thâu tóm tất cả giáo lý Tiểu thừa - Đại thừa cũng như trong các pháp môn tu tập của các tông phái như: Thiền Tông, Duy Thức Tông, Tịnh Độ Tông, Luật Tông và cả các tông giáo khác như Đạo giáo, Khổng giáo và văn hóa bản địa đương thời.**

HT TS Thích Thanh Đạt *Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội*

Trần Nhân Tông (1258 - 1308) là ông vua thứ ba đầu triều Trần (1), sinh trong hoàng tộc có truyền thống mộ Phật (2), từ nhỏ ông đã được theo học Phật pháp với người thân trong gia đình (3), thường ăn chay trì giới (4), đã trốn đi xuất gia, nhưng không thành (5), phải lên ngôi vua từ (1279-1293); có công trong hai cuộc kháng chiến chống Nguyên-Mông thắng lợi (năm 1285 vµ 1288).

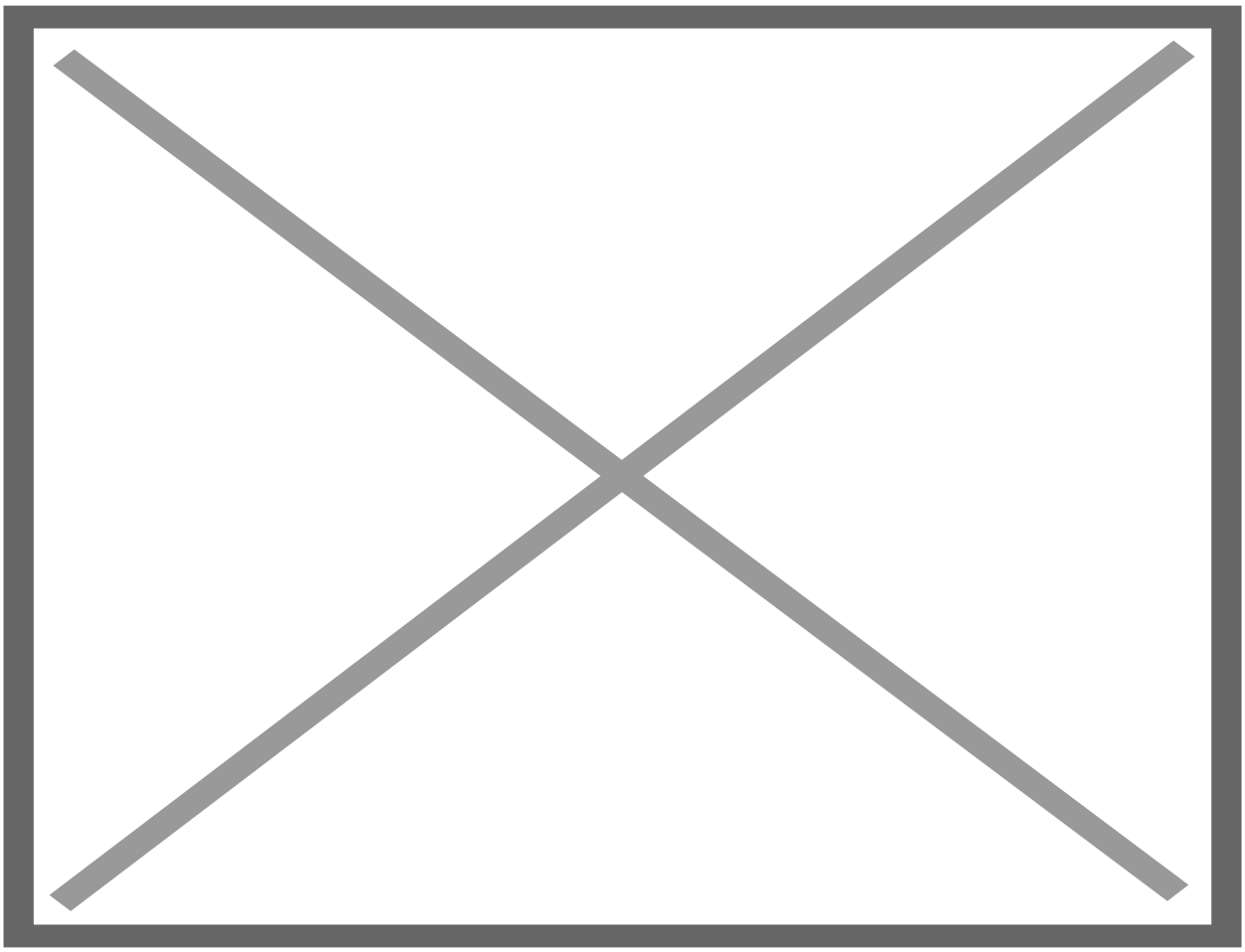
Sau ông xuất gia trên núi Yên Tử, lấy pháp hiệu HƯƠNG VÂN ĐẠI ĐẦU ĐÀ, hoằng đạo 9 năm (1299 - 1308), lập ra Giáo hội **Phật giáo Trúc Lâm**, đời sau tôn Ngài là Phật, có ảnh hưởng sâu rộng trong lòng dân tộc Việt Nam.

Ngài đã để lại nhiều tác phẩm, có nội dung phản ánh cả việc đời việc đạo, trong đó có bài phú Cư trần lạc đạo được xem là cốt tủy trong việc tu hành.

Về ngữ văn Ngài dùng ngôn ngữ thuần Việt là chữ Nôm, người đọc dễ hiểu; tuy nhiên vì lối văn cổ lại nhiều từ ngữ đến nay không còn thông dụng, với những khái niệm Phật học, điển tích Phật giáo và những hình tượng mưu tả ẩn dụ...

Để hiểu đúng nội dung bài phú này, thiết nghĩ cũng cần phải có sự tư duy, trải nghiệm một cách sâu sắc; ở đây, tác giả căn cứ vào bản Quốc ngữ của thiền sư Thích Nhất Hạnh, chỉ mạo muội phân loại các câu cú, có nội dung tương đồng, quy lạp vào trong ba phạm trù chính: GIẢI - HÀNH - NGUYỆN (6).

Các phạm trù này, dựa theo sự tu học của Ngài, cụ thể ngay từ nhỏ khi học đạo với người thày là Tuệ Trung Thượng sĩ, Ngài đã có những thắc mắc, nghi vấn về việc ăn chay, giữ giới ... Rồi cuối cùng, Ngài được giảng giải và ngộ ra bản pháp, thốt lên "Ta bỗng nhiên thấy được lối ngộ nhập bèn vén áo thờ Người làm thày" (7). Như vây, Tuệ học - Giải ngộ của vua đã được khai mở rất sớm. Sau đây, xin lược trích một số câu, đoạn để minh chứng cho sự trình bày trên.



VỀ GIẢI

Hội thứ 2: Biết vậy! Miễn được lòng rồi; chẳng còn phép khác.

Gìn tính sáng, tính mới hầu an; nén niềm vọng, niềm dừng chẳng thác.

Dứt trừ nhân ngã, thì ra tướng thực kim cương; dừng hết tham sân, mới lảu lòng mầu viên giác.

Tịnh độ là lòng trong sạch, chớ còn ngờ hỏi đến Tây phương;

Di Đà là tính sáng soi, mựa phải nhọc tìm về Cực lạc.

Hội thứ 3: Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc; sơn lâm chẳng cóc, họa kia thực cả đồ công.

Hội thứ 4: Biết chân như, tin bát nhã, chớ còn tìm Phật, Tổ Tây Đông; chứng thực tướng, ngỏ vô vi, nào nhọc hỏi kinh thiền Nam Bắc.

Tích nhân nghì, tu đạo đức, ai hay này chẳng Thích Ca; cầm giới hạnh, đoạn ghen tham, chỉn thực ấy là Di-lặc.

Chuyển tam độc mới chứng tam thân; đoạn lục căn nên trừ lục tặc.

Hội thứ 5: Ngăn bát thức, nén bát phong, càng đè càng bội; lãy tam huyền, nông tam yếu, một cắt một ma.

Vậy mới hay: Bụt ở cong nhà; chẳng phải tìm xa.

Nhân khuây bản nên ta tìm Bụt; đến cóc hay chỉn Bụt là ta

Hội thứ 6: Thực thế! Hãy sá vô tâm, tự nhiên hợp đạo. Dừng tam nghiệp mới lặng thân tâm; đạt một lòng thì thông tổ giáo.

Nhận văn giải nghĩa, lạc lài nên thiền khách bơ vơ; chứng lý tri cơ, cứng cát phải nạp tăng khôn khéo.

Han hữu lậu han vô lậu, bảo cho hay the lọt duộc thưng; hỏi đại thừa hỏi tiểu thừa, thưa thẳng tắt lòi tiền tơ gáo.

Nhận biết làu làu lòng vốn, chẳng ngại hề thời tiết nhân duyên; chùi cho vặc vặc tính gương, nào có nhuốm căn trần huyên náo.

Hội thứ 8: Công danh mảng đắm, ấy toàn là những đứa ngây thơ; phúc tuệ gồm no, chỉn mới khá nên người thực cóc.

VỀ HÀNH

Hội thứ nhất: Mình ngồi thành thị; nết dùng sơn lâm. Muôn nghiệp lặng an nhàn thể tính; nửa ngày rồi tự tại thân tâm.

Tham ái nguồn dừng, chẳng còn nhớ châu yêu ngọc quý; thị phi tiếng lặng, được dầu nghe yến thốt oanh ngâm.

Hội thứ 2: Ăn rau ăn trái, nghiệp miệng chẳng hiềm thửa đắng cay; vận giấy vận sồi, thân căn có ngại chi đen bạc.

Nhược chỉn vui bề đạo đức, nửa gian lều quí nữa thiên cung; dầu hay mến thửa nhân nghì, ba phiến ngói yêu hơn lầu gác.

Hội thứ 5: Áo miễn chăn đầm ấm qua mùa, hoặc chằm hoặc xễ; cơm cùng cháo đói no đòi bữa, dầu bạc dầu thoa.

Hội thứ 6: Tham thiền kén bạn, nát thân mình mới khá hồi ân; học đạo thợ thầy, dọt xương óc chưa thông của báo.

Vàng chưa hết quặng, sá tua chín phen đúc chín phen rèn; lộc chẳng còn tham, miễn được một thì chay một thì cháo.

Sạch giới lòng, chùi giới tướng, nội ngoại nên Bồ tát trang nghiêm; ngay thờ chúa, thảo thờ cha, đi đỗ mới trượng phu trung hiếu.

Hội thứ 8: Chưng ấy: Chỉn sá tua rèn; chớ nên tuyệt học.

Lay ý thức chớ chấp trằng trằng; nén niềm vọng mựa còn xóc xóc.

Dựng cầu đò, giồi chiền tháp, ngoại trang nghiêm sự tướng hãy tu; săn hỷ xả, nhuyến từ bi, nội tự tại kinh lòng hằng đọc.

Rèn lòng làm Bụt, chỉn sá tua một sức giồi mài; đãi cát kén vàng, còn lại phải nhiều phen lừa lọc.

Xem kinh đọc lục, làm cho bằng thửa thấy thửa hay; trọng Bụt tu thân, dùng mựa lỗi một tơ một tóc.

Cùng nơi ngôn cú, chỉn chăng hề một phút ngại lo; lật thửa cơ quan, mà còn để tấm hơi lọt lọc.

Tap Chi Nghien Cuu Phat Hoc Phuong Thuc Truyen Ba Chinh Phap Phat Giáo Thoi Tran

VỀ NGUYỆN

Hội thứ 3: Nguyền mong thân cận minh sư, quả bồ đề một đêm mà chín; phúc gặp tình cờ tri thức, hoa Ưu Đàm mấy kiếp đơm bông.

Hội thứ 5: Đức Bụt từ bi, mong nhiều kiếp nguyền cho thân cận; ơn Nghiêu khoáng cả, lọt toàn thân phô việc đã tha.

Riêng Hội thứ 7: Nói đủ cả GIẢI - HÀNH - NGUYỆN

GIẢI - HÀNH: Vậy mới hay: Phép Bụt trọng thay; rèn mới cóc hay.

Vô minh hết bồ đề thêm sáng; phiền não rồi đạo đức càng say.

Xem phỏng lòng kinh, lời Bụt thốt dễ cho thấy dấu; học đòi cơ tổ, sá thiền không khôn chút biết nay.

Cùng căn bản, rữa trần duyên, mựa để mấy hào ly đương mặt; ngã thắng tràng, viên tri kiến, chớ cho còn họa trữ cong tay.

Buông lửa giác ngộ, đốt hoại thảy rừng tà ngày trước; cầm kiếm trí tuệ, quét cho không tính thức thuở nay.

Vâng ơn thánh, xót mẹ cha, thờ thầy học đạo; mến đức cồ, kiêng bùi ngọt, cầm giới ăn chay.

NGUYỆN - HÀNH

Cảm đức từ bi, để nhiều kiếp nguyền cho thân cận; đội ơn cứu độ, nát muôn thân thà chịu đắng cay.

Nghĩa hãy nhớ, đạo chăng quên, hương hoa cúng xem còn nên thảo; miệng rằng tin, lòng lại lỗi, vàng ngọc thờ cũng chửa hết ngay.

Đặc biệt Hội thứ 9 và 10 thuần nói về GIẢI

Hội thứ 9:

Vậy cho hay: Cơ quan tổ giáo, tuy khác nhiều đàng, chẳng cách mấy gang.

Chỉn sá nói từ sau Mã Tổ; ắt đã quên thuở trước Tiêu Hoàng.

Công đức toàn vô, tính chấp si càng thêm lỗi; quách nhiên bất thức, tai ngu mãng ắt còn vang.

Sinh Thiên Trúc, chết Thiếu Lâm, chôn dối chân non Hùng Nhĩ; thân bồ đề, lòng minh kính, bày dơ mặt vách hành lang.

Vương lão chém mèo, lượt trẩy lòng ngừa thủ tọa; thầy Hồ khua chó, trỏ xem trí nhẹ con giàng.

Chợ Lư Lăng gạo mắc quá ưa, chẳng cho mà cả; sở Thạch Đầu đá trơn hết tấc, khôn đến thưa đang.

Phá táo cất cờ, đạp xuống dấu thiêng thần vật; Cu Chi dơ ngón, dùng đòi nếp cũ ông ang.

Lưỡi gươm Lâm Tế, nạng Bí Ma, trước nạp tăng no dầu tự tại; sư tử ông Đoan, trâu thầy Hựu, răn đàn việt hượm sá nghênh ngang.

Đưa phiến tử, cất trúc bề, nghiệm kẻ học cơ quan nhẹ nhẫn; xô hòn cầu, cầm mộc thược, bạn thiền hòa chước móc khoe khoang.

Thuyền tử rà chèo, dòng xanh chửa cho tịn tẩy; Đạo Ngô múa hốt, càn ma dường thấy quái quàng.

Rồng Yển lão nuốt càn khôn, ta xem chỉn lệ; rắn Ông Tồn ngang thế giới, người thấy ắt giang.

Cây bách là lòng, thác ra trước phải phương Thái bạch; bính đinh thuộc hỏa, lại trở sau lỗi hướng thiên cang.

Trà Triệu lão, bánh Thiều dương, bầy thiền tử hãy còn đói khát; ruộng Tào khê, vườn Thiếu thất, chúng nạp tăng những để lưu hoang.

Gieo bó củi, nẩy bông đèn, nhân mang mới nết; lộc đào hoa, nghe tiếng trúc, mặc vẻ mà sang.

Hội thứ 10:

Tượng chúng ấy: Cóc một chân không; dùng đòi căn khí.

Nhân lòng ta vướng chấp khôn thông; há cơ tổ nay còn thửa bí.

Chúng Tiểu thừa cóc hay chửa đến, Bụt sá ngăn Bảo sở hóa thành; đấng Thượng Sĩ chứng thực mà nên, ai ghẻ có sơn lâm thành thị.

Núi hoang rừng quạnh, ấy là nơi dật sĩ tiêu dao; chiền vắng am thanh, chỉn thực cảnh đạo nhân du hý.

Ngựa cao tán cả, Diêm Vương nào kể đứa nghênh ngang; gác ngọc lầu vàng, ngục tốt thiếu chi người yêu quý.

Chuộng công danh, lồng nhân ngã, thực ấy phàm ngu; say đạo đức, dời thân tâm, định nên thánh trí.

Mày ngang mũi dọc, tướng tuy lạ xem ắt bẳng nhau; mặt thánh lòng phàm, thực cách nhẫn vàn vàn thiên lý.

Phần cuối là bài kệ:

Cư trần lạc đạo thả tùy duyên.

Cơ tắc xan hề, khốn tắc miên.

Gia trung hữu bảo hưu tầm mịch;

Đối cảnh vô tâm mạc vấn Thiền.

Đây là lời kết, chỉ rõ sự tu "Phật pháp bất ly thế gian giác". Nghĩa là: Ở đời vui đạo hãy tùy duyên, đói đến thì ăn mệt ngủ liền, trong nhà có báu thôi tìm kiếm, đối cảnh vô tâm hỏi chi thiền. Như vậy:

Tùy duyên mà tự tại Bởi nhận rõ bản lai Nên không còn trở ngại

Như trên đã trình bày, trong 10 hội, ta thấy các phạm trù phần lớn được phản ánh xen kẽ, chỉ có hội thứ 9 và 10 là nói chuyên về Giải. Tuy nhiên, ba phạm trù GIẢI - HÀNH - NGUYỆN đều có mối liên quan mật thiết với nhau không thể tách rời trong việc tu tập; từ nhận thức đến thực hành, từ thực hành tới mục đích, cụ thể: Từ tiệm tu tiện ngộ - tiệm tu đốn ngộ; đốn ngộ tiệm tu - đốn tu đốn ngộ.

Qua bài Cư Trần Lạc Đạo phú này, còn cho thấy sự thâu tóm tất cả giáo lý Tiểu thừa - Đại thừa cũng như trong các pháp môn tu tập của các tông phái như: Thiền Tông, Duy Thức Tông, Tịnh Độ Tông, Luật Tông và cả các tông giáo khác như Đạo giáo, Khổng giáo và văn hóa bản địa đương thời. Thật là bậc toàn giác, dung nhiếp mọi tư tưởng, xứng danh Phật Hoàng được cả dân tộc tôn sùng.

HT TS Thích Thanh Đạt *Học viện Phật giáo Việt Nam tại Hà Nội* ***

1. Trần Thái Tông (1225-1258), Trần Thánh Tông (1258-1272), Trần Nhân Tông (1278-1293), Trần Anh Tông (1293-1314), Trần Minh Tông (1314-1329)... 2. Xem Khóa hư lục / Trần Thái Tông 3. Tức Trần Tung - Tuệ Trung Thượng sĩ - Anh của Mẹ vua 4. Sách Tam tổ thực lục ghi: Năm 21 tuổi Nhân Tông lên ngôi hoàng đế, nhưng nguyện vọng của ông vẫn thiết tha với đạo, trong giấc ngủ ông còn mơ thấy Đức Phật ngự trên toà sen... Không những thế, trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày rất đam bạc, chay tịnh, thường dùng hoa quả rau xanh, không dùng thịt cá, nên thân thể gầy yếu đến nỗi Thánh Tông trông thấy con thương khóc, nói: “Ta nay già rồi, trông cậy một mình con, nếu con như vậy thì thịnh nghiệp của tổ tông biết làm thế nào ? ” 5. Sách Tam tổ thực lục cho biết: “Vào giờ Tí một đêm kia, vua vượt thành ra đi, định vào núi Yên Tử, nhưng khi đến chùa Tháp, núi Đông Cứu thì trời sáng, lại vì quá mệt nên phải vào nghỉ trong tháp. Vị tăng chùa ấy thấy vua tướng mạo khác thường, liền đem thức ăn lên mời. Ngày hôm đó Thái hậu đem chuyện ấy thuật lại đầy đủ với Thánh Tông. Thánh Tông sai quần thần đi tìm khắp bốn phương, bất đắc dĩ vua phải trở về ” Cuối năm 1299, Nhân Tông từ bỏ hoàng cung lên núi Yên Tử xuất gia, tu theo

hạnh đầu đà, lấy pháp hiệu Hư-ơng vân đại đầu đà. 6. Phạm trù: Là khái niệm hàm chứa chung nhất, khó xác định trong khuôn khổ một lý thuyết nói riêng hay ngành khoa học nào đó nói chung. Phạm trù được dùng trong việc hệ thống hóa kiến thức qua quá trình nhận thức, trong đó chúng đóng vai trò ấn định tên cho đề mục. Phạm trù ghi giữ các lớp kiến thức, các giai đoạn và các yếu tố của quá trình nhận thức, vì thế nó thuộc về hệ thống quản lý kiến thức. Phạm trù cho phép liên hệ bất cứ kiến thức nào với triết học và ngược lại, liên hệ triết học đến bất kỳ lĩnh vực kiến thức nào. 解行:5599<一>即智解與修行之並稱□ 指由見聞學習而知解教理□ 進而實踐躬行所知解之教理□ 了解佛道之真理□ 智解□ 與觀心修行之實踐行□ 乃是相因相資□ 稱爲解行相應□ 解行具足□ 開解立行等□ 解與行□ 譬若鳥之雙翼□ 車之兩輪□ 具有缺一不可之關係□ 亦即依解而起行□ 依行而實解□ 行願: Cũng gọi Nguyện hạnh. Tu hành và thệ nguyện... nên biết tu hành và thệ nguyện cũng như 2 cánh của con chim, nếu thiếu một thì chim không bay được, không đạt đến cảnh giới mong muốn. 7. Xem Tuệ Trung Thượng Sĩ ngữ lục